

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-ST
Ngày: 05-5-2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Duy.

Ông Lê Thành Thanh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022, Thông báo dời ngày mở phiên tòa số 09/2022/TB-DPT ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ O, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Vĩnh X, sinh năm 1991 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ O trình bày:

Do là chỗ quen biết nên năm 2020, chị O có cho anh Nguyễn Vĩnh X vay số tiền 80.000.000 đồng và nhiều lần khác với số tiền 50.000.000 đồng, tổng cộng là 130.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

Khoảng tháng 3 năm 2020, anh X vay số tiền 30.000.000 đồng, anh X tự nguyện trả cho chị O 02 tháng tiền lãi, mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Đến tháng 5 năm 2020, anh X vay tiếp 50.000.000 đồng, nhập chung với số tiền trước đó, anh X viết Giấy mượn tiền ngày 18/5/2020 (âm lịch) thể hiện số tiền còn nợ chị O là 80.000.000 đồng, hạn 01 năm sau trả. Riêng anh X thỏa thuận mỗi tháng trả cho chị O 4.000.000 đồng tiền lãi cho số tiền vay 80.000.000 đồng. Anh X thực hiện trả lãi được 04-05 tháng thì ngưng.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2020 đến tháng 10 năm 2020, anh X còn mượn tiền của chị O nhiều lần, không lãi suất, tổng cộng là 50.000.000 đồng.

Cả hai khoản tiền vay và mượn anh X vẫn chưa trả nợ gốc cho chị O. Do đó, chị O khởi kiện yêu cầu anh X trả số tiền 130.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật, chị O không yêu cầu trả lãi.

Ngoài ra, chị O không có yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Vĩnh X trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị O, anh X đồng ý trả số tiền 130.000.000 đồng cho chị O. Tuy nhiên, do hoàn cảnh hiện tại khó khăn, nên anh X xin được trả dần số tiền này bằng cách trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Ngoài ra, anh X không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Chị O và anh X thống nhất số tiền anh X phải có nghĩa vụ trả cho chị O là 130.000.000 đồng. Tuy nhiên, hai bên không thống nhất cách thức thực hiện. Chị O yêu cầu khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh X trả trước $\frac{1}{2}$ số nợ; số còn lại mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, thực hiện vào ngày 10 dương lịch hàng tháng của tháng tiếp theo cho đến khi dứt nợ. Anh X xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, thực hiện từ tháng 5 đến tháng 10 năm 2022; từ tháng 11 năm 2022 trở đi mỗi tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ O: Chị O yêu cầu anh X phải trả cho chị số tiền vay còn nợ là 130.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, chị O đã cung cấp 01 Giấy mượn tiền ngày 18/5/2020 thể hiện số tiền hai bên giao dịch là 80.000.000 đồng. Ngoài ra, chị O trình bày anh X còn vay của chị số tiền 50.000.000 đồng trong nhiều lần nhưng không làm văn bản.

Trong khi đó, anh X thừa nhận chữ ký mang tên Nguyễn Vĩnh X trong Giấy mượn tiền chị O giao nộp là của anh, đồng thời thừa nhận toàn bộ số nợ 130.000.000 đồng đối với chị O, anh X đồng ý trả cho chị O số tiền này. Dựa theo các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các bên, Hội đồng xét xử xác định giao dịch vay tiền giữa anh X và chị O là có thật, chị O yêu cầu anh X trả số tiền 130.000.000 đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Anh X yêu cầu được trả dần số nợ bằng cách trả dần cho đến khi hết nợ, nhưng không được chị O đồng ý. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận. Việc anh X chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền do đó không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị O tự nguyện tạo điều kiện cho anh X kéo dài thời hạn trả nợ theo phương án chị O đưa ra là có lợi cho anh X nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về lãi suất: Chị O không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị O được chấp nhận nên anh X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 235, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ O.

Buộc anh Nguyễn Vĩnh X có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ O số tiền 130.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi triệu đồng*), thực hiện như sau:

1.1. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh X có nghĩa vụ trả cho chị O 65.000.000 đồng.

1.2. Đối với 65.000.000 đồng còn lại, anh X có nghĩa vụ trả dần cho chị O bằng cách trả mỗi tháng 2.000.000 đồng vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện vào tháng tiếp theo của tháng tại mục 1.1 cho đến khi trả dứt nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Anh Nguyễn Vĩnh X phải nộp 6.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Mỹ O số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.250.000 đồng, theo biên lai thu số 0008079 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thơm